

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÔN NGỮ ĐỨC**

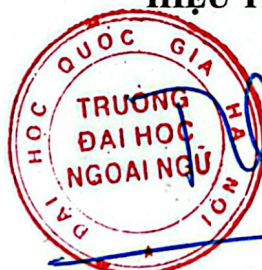
1. Ngôn ngữ Đức định hướng nghiên cứu

2. Ngôn ngữ Đức định hướng ứng dụng

Chương trình đào tạo chuẩn ĐHQGHN trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ĐỨC

MÃ SỐ: 8220205

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Đức

+ Tiếng Anh: German Linguistics

- Mã số ngành/chuyên ngành đào tạo: 8220205.01

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Đức

+ Tiếng Anh: German Linguistics

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Đức

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Đức

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in German Linguistics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ khoa học có kiến thức lý luận nâng cao về chuyên ngành Ngôn ngữ Đức cũng như văn hóa các nước nói tiếng Đức,

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Đức định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo vào việc tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý luận nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Đức và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Đức và các nước nói tiếng Đức, có năng lực tiếng Đức ở trình độ cao, có khả năng tự định hình hướng nghiên cứu, độc lập nghiên cứu và ứng dụng vào các hoạt động biên dịch, phiên dịch, quản lý nhà nước và giảng dạy tiếng Đức tại các cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp, có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học ở bậc cao hơn, có các năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng hỗ trợ (kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước và quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Đức (lý thuyết ngữ pháp, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, ngữ âm học, v.v...) và các khoa học có liên quan (ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học so sánh-đối chiếu, ngôn ngữ học ứng dụng, v.v.), mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Đức (giao tiếp liên văn hóa, Đức học, v.v...) để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể có liên quan đến Ngôn ngữ học Đức như cán bộ đối ngoại, cán bộ quản lý, phụ trách, cán bộ giảng dạy, biên dịch viên, phiên dịch viên, chuyên viên tư vấn, phóng viên, biên tập viên, ..., trong các cơ quan ban ngành từ trung ương đến địa phương, trong các ngành khoa học, trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, các nhà xuất bản ngôn ngữ, văn hóa, chính trị, trong ngành báo chí truyền thông, các công ty tổ chức sự kiện, các nhà sản xuất phim ảnh, các cơ sở đào tạo tiếng Đức và Quốc tế học, ...

- Về kỹ năng

- + Phát triển các kỹ năng nghiên cứu ngôn ngữ học nói chung và tiếng Đức nói riêng.
- + Phát triển kỹ năng viết các bài nghiên cứu bằng văn phong khoa học.

+ Phát triển kỹ năng thực hành tiếng Đức ở trình độ cao.

- Về năng lực

Trang bị khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kĩ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu tiếng Đức vì những mục đích ứng dụng chuyên biệt: biên dịch, phiên dịch tiếng Đức chuyên ngành ở trình độ cao; giảng dạy tiếng Đức ở trình độ nâng cao; giảng dạy tiếng Đức chuyên ngành tại các học viện, trường đại học và cao đẳng, nghiên cứu ngôn ngữ Đức.

- Về nghiên cứu

+ Bồi dưỡng các phương pháp, thủ pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Đức: các vấn đề về ngữ âm tiếng Đức, lý thuyết ngữ pháp tiếng Đức, ngữ nghĩa học tiếng Đức, ngữ dụng học tiếng Đức, thành ngữ học tiếng Đức, lịch sử tiếng Đức, đối chiếu ngôn ngữ Đức-Việt, giao tiếp giao văn hóa Đức -Việt và các vấn đề chuyên môn khác. Học viên tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực Ngôn ngữ Đức.

+ Thực hành nghiên cứu qua việc hoàn thành luận văn thạc sĩ. (Luận văn thạc sĩ thuộc chương trình đào tạo này có yêu cầu cao hơn so với luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng).

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẠC 7)
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ĐỨC (NGHIÊN CỨU)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
CDR 1	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc	x	x		x	x	x				x	x	x	x
CDR 2	Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	x	x		x	x					x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
CDR 3	Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Đức, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
CDR 4	Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên việc nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
CDR 5	Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
1.3	Kiến thức của ngành / chuyên ngành													
CDR 6	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Đức, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.	x	x		x			x	x		x	x	x	
CDR 7	Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đồng đạo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
CDR 8	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x			x		x	x	x	

2	Chuẩn đầu ra về kĩ năng													
2.1	Kỹ năng chuyên môn													
CĐR 9	Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phân biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x		x	x					x	x	x	x
CĐR 10	Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.	x	x		x	x		x			x	x	x	x
CĐR 11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Đức tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x
CĐR 12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.	x	x			x		x		x	x	x	x	x
CĐR 13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
2.2	Kỹ năng khác													
CĐR 14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x					x	x	x	x
CĐR 15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
CĐR 16	Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CĐR 17	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Đức và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Đức để đạt hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x	x			x		x	x	x	x
CĐR 18	Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phân biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CĐR 19	Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x

4	Về phẩm chất đạo đức													
CĐR 20	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định và hướng dẫn thi tuyển hàng năm của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Đức

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Đức

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Đức hoặc Sư phạm tiếng Đức.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng

trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- *Về kinh nghiệm công tác*: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

- Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO1 0	PO1 1	PO1 2	PO1 3	PO1 4	PO1 5	PO1 6	PO1 7	PO1 8	PO1 9	P O 20
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x		x	X
GER 6003	Ngôn ngữ học đối chiếu (Tiếng Đức) <i>Contrastive Linguistics (German)</i>					4	4	4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	X
SPEGE R 6002	Chuyên đề: Phương pháp nghiên cứu (tiếng Đức) <i>Research Methods (German)</i>							4	4	4	5	5		4	5	6	x	x	x	x	X
SPEGE R 6011	Chuyên đề: Giao tiếp liên văn hóa (tiếng Đức) <i>Intercultural Communication (German)</i>	3		3				4	4	4	4	4		4		4	x	x	x	x	X
SPEGE R 6007	Chuyên đề: Ngữ nghĩa học tiếng Đức <i>Germany Semantics</i>					4	4	4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	X

SPEGE R 6008	Chuyên đề: Ngữ dụng học tiếng Đức <i>German Pragmatics</i>					4	4	4	4			4		4			x	x	x	x	X
GER 6021	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Đức) <i>General Linguistics (German)</i>					4		4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	X
GER 6006	Ngữ pháp tiếng Đức <i>German Grammar</i>					4	4	4	4			5	4	4	4	5	x	x	x	x	X
GER 6016	Kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản khoa học (Tiếng Đức) <i>Academic Writing and Presentation</i>					4			4			5		4	4	4	x	x	x	x	X

GER 6018	Tiếng Đức học thuật nâng cao <i>Advanced German for Academic Purposes</i>					4			4			5			4		4	x	x	x	x	X
GER 6015	Lý luận dạy học hiện đại (tiếng Đức) <i>Modern Teaching Methodology</i>							4	4	5		5			4			x	x	x	x	X
GER 6019	Xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu dạy học (tiếng Đức) <i>German Language Teaching Curriculum and Material Development</i>							4	4	5		5			4			x	x	x	x	X

GER 6023	Giảng dạy ngoại ngữ định hướng hành động (tiếng Đức) <i>Action-oriented foreign language Teaching (German)</i>							4	4	5		5		4			x	x	x	x	X
GER 6014	Lý luận về dịch thuật (Đức - Việt) <i>Translation Theories (German - Vietnamese)</i>			3	4			4	4	4	4	4		4		4	x	x	x	x	X
GER 6022	Phê bình dịch thuật (Đức- Việt) <i>Translation Theories (German - Vietnamese)</i>			3	4			4	4	4	4	4		4		4	x	x	x	x	X
ENG 6001 RUS 6001 FRE 6001 CHI	Ngoại ngữ học thuật (<i>Foreign Language for Academic Purposes</i>) Tiếng Anh (<i>English for</i>							4	4	4			4	4		4	x	x		x	X

6001	Academic Purposes) Tiếng Nga (Russian for Academic Purposes) Tiếng Pháp (French for Academic Purposes) Tiếng Trung (Chinese for Academic Purposes)																				
GER 6017	Lịch sử tiếng Đức (History of Germany)					4	4	4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	X
GER 6004	Ngôn ngữ học xã hội tiếng Đức) Sociolinguistics (German)					4	4	4	4			5	4	4	4	5	x	x	x	x	X
GER 6005	Ngữ âm tiếng Đức ứng dụng German Applied Phonetics					4	4	4	4			5		4	5		x	x	x	x	X

GER 6010	Thành ngữ học tiếng Đức <i>German Idiomatics</i>					4	4	4	4								x	x	x	x	X
GER 6020	Ngôn ngữ học văn bản <i>German Textlinguistics</i>					4	4	4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	X
GER 6012	Văn học Đức đương đại <i>Modern German Literature</i>			4				4				5		4		4	x	x	x	x	X
GER 6013	Văn học Đức và truyền thông <i>German Literature and Communication Media</i>			4				4	4			5		4		4	x	x	x	x	X
GER 6009	Đức học <i>German Studies</i>			4				4	4			5		4	5		x	x	x	x	X
GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội <i>Emotional Intelligence and Social Communicatio</i>																				

	<i>n</i>																				
GLE 6003	Thiết kế cuộc đời <i>Design your life</i>																				
PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp <i>Teacher ethics and professional development</i>																				
GLE 6001	Giáo dục cách tân <i>Innovative education</i>																				
	Luận văn thạc sĩ	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x	X
		Kiến thức						Kỹ năng						Tự chủ							

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1 Kiến thức chung

- CDR 1 (PO1). Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- CDR 2 (PO2). Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

- CDR 3 (PO3). Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Đức, giao tiếp liên văn hóa, bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục, vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.
- CDR 4 (PO4). Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên việc nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.
- CDR 5 (PO5). Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

- CDR 6 (PO6). Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

- CDR 7 (PO7). Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..
- CDR 8 (PO8). Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp

Luận văn thạc sĩ là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể trong chuyên ngành Ngôn ngữ Đức.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cơ bản và ứng dụng trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa, văn học Đức, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Đức hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ Đức của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ được tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của chính học viên thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ có khối lượng khoảng 80 trang A4 (khoảng 20.000 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung trong Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- CDR 9 (PO9). Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo.

- CDR 10 (PO10). Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.
- CDR 11 (PO11). Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Đức tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- CDR 12 (PO12). Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.
- CDR 13 (PO13). Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

2.2. Kỹ năng khác

- CDR 14 (PO14). Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.
- CDR 15 (PO15). Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CDR 16 (PO16). Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.
- CDR 17 (PO17). Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Ngôn ngữ Đức và xử lý mọi công việc

phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Đức với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

- CDR 18 (PO18). Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Đức, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

- CDR. 19 (PO19). Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

4. Về phẩm chất đạo đức

- CDR 20 (PO20). Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Học viên có thể đảm nhiệm vị trí của một trưởng hoặc phó trưởng bộ môn, trưởng hoặc phó trưởng phòng, nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực khoa học giáo dục ngoại ngữ, nghiên cứu ngôn ngữ và quốc tế học.

Nhóm 2: Học viên có thể đảm nhiệm vị trí trưởng hoặc phó trưởng phòng, chuyên viên, biên tập viên và cán bộ trong lĩnh vực quản lý nhà nước ở các cấp, các cơ quan truyền thông và các cơ quan ngoại giao của Việt Nam và nước ngoài.

Nhóm 3: Học viên có thể đảm nhiệm vị trí trưởng và phó trưởng phòng, biên dịch viên, phiên dịch viên của các doanh nghiệp và dự án của Việt Nam liên kết với các đối tác nước ngoài cũng như các dự án của nước ngoài tại Việt Nam, vị trí hướng dẫn viên du lịch.

Yêu cầu cụ thể liên quan đến kết quả thực hiện công việc:

Nhóm 1: Học viên có năng lực tổng hợp lý luận, khả năng tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp; có thể đảm nhận công tác giảng dạy các môn thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Đức như Ngữ pháp, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng học, v.v.; có khả năng nâng cao kỹ năng giảng dạy các học phần có tính liên ngành như: Ngôn ngữ học đại cương, Ngôn ngữ học đối chiếu, Ngôn ngữ học xã hội, Giao tiếp liên văn hóa, v.v.; có khả năng quản lý các hoạt động nghiên cứu và giáo dục;

triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ Đức nói riêng.

Nhóm 2: Có khả năng tổng hợp các cơ sở khoa học, có kỹ năng tham gia công tác quản trị các cấp của nhà nước đối với các hoạt động khoa học công nghệ liên quan đến ngành Ngôn ngữ Đức, đổi mới và sáng tạo, tham gia đóng góp vào các quá trình đề xuất xây dựng các chiến lược thúc đẩy, phát triển quan hệ hợp tác Việt- Đức trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là nghiên cứu và giáo dục; hoàn thành tốt hơn các nhiệm vụ của chuyên viên, biên tập viên, thành viên tư vấn chính sách ngoại ngữ và ngoại giao của các bộ, ban, ngành của Việt Nam cũng như các đại sứ quán, lãnh sự quán và các cơ quan ngoại giao khác của nước ngoài.

Nhóm 3: Có khả năng ứng dụng các kiến thức và năng lực tiếng Đức vào quản trị và điều hành công tác đổi mới và sáng tạo tại các liên doanh, các doanh nghiệp du lịch cũng như các dự án, tăng cường và phát triển quan hệ với các doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là từ các nước nói tiếng Đức, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên có khả năng tự học để nâng cao trình độ về những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến ngành Ngôn ngữ Đức.

Học viên ngành Ngôn ngữ Đức có cơ hội học lên bậc cao hơn.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

2. Khung chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): 4 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành + NCKH: 42 tín chỉ
 - + *Bắt buộc*: 15 tín chỉ
 - + *Tự chọn*: 27 tín chỉ
 - + *Luận văn thạc sĩ*: 15 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh / Đức)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ	Mã số học phần
-----	-------------	---	---------------	----------------	----------------------

				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	tiên quyết
I.	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
II+III	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành + Nghiên cứu khoa học		42				
<i>II+III.1</i>	<i>Các học phần và chuyên đề NCKH bắt buộc</i>		15				
3	GER 6003	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Đức) <i>Contrastive Linguistics (German)</i>	3	30	10	5	
4	STG 6002	Chuyên đề NCKH: Phương pháp nghiên cứu (tiếng Đức) <i>Research Methods (German)</i>	3	30	5	10	
5	STG 6011	Chuyên đề NCKH: Giao tiếp liên văn hóa (tiếng Đức) <i>Intercultural Communication (German)</i>	3	30	5	10	
6	STG 6007	Chuyên đề NCKH: Ngữ nghĩa học tiếng Đức <i>German Semantics</i>	3	30	5	10	
7	STG 6008	Chuyên đề NCKH: Ngữ dụng học tiếng Đức <i>German Pragmatics</i>	3	30	5	10	
<i>II+III.2</i>	<i>Các học phần tự chọn</i>		<i>27/66</i>				
8	GER 6021	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Đức) <i>General Linguistics (German)</i>	3	30	10	5	
9	GER 6006	Ngữ pháp tiếng Đức <i>German Grammar</i>	3	30	10	5	
10	GER 6016	Kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản khoa học (tiếng Đức) <i>Academic Writing and Presentation (German)</i>	3	30	10	5	
11	GER 6018	Tiếng Đức học thuật	3	30	10	5	

		nâng cao <i>Advanced German for Academic Purposes</i>					
12	GER 6015	Lý luận dạy học hiện đại (tiếng Đức) <i>Modern Teaching Methodology (German)</i>	3	30	10	5	
13	GER 6019	Xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu dạy học tiếng Đức <i>German Language Teaching Curriculum and Material Development</i>	3	30	10	5	
14	GER 6023	Giảng dạy ngoại ngữ định hướng hành động (tiếng Đức) <i>Action-oriented foreign language Teaching (German)</i>	3	30	10	5	
15	GER 6014	Lý luận về dịch thuật (Đức - Việt) <i>Translation Theories (German - Vietnamese)</i>	3	30	10	5	
16	GER 6022	Phê bình dịch thuật Đức Việt <i>Translation criticism (German - Vietnamese)</i>	3	30	10	5	
17		Ngoại ngữ học thuật <i>(Foreign Language for Academic Purposes)</i>	3	30	10	5	
	ENG 6001	Tiếng Anh <i>(English for Academic Purposes)</i>	3				ENG 5001
	RUS 6001	Tiếng Nga <i>(Russian for academic purposes)</i>	3				RUS 5001
	FRE 6001	Tiếng Pháp <i>(French for academic purposes)</i>	3				FRE 5001
	CHI 6001	Tiếng Trung <i>(Chinese for academic purposes)</i>	3				CHI 5001
18	GER 6017	Lịch sử tiếng Đức <i>History of German</i>	3	30	10	5	

		<i>Language</i>					
19	GER 6004	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Đức) <i>Sociolinguistics (German)</i>	3	30	10	5	
20	GER 6005	Ngữ âm tiếng Đức ứng dụng <i>German Applied Phonetics</i>	3	30	10	5	
21	GER 6010	Thành ngữ học tiếng Đức <i>German Idiomatics</i>	3	30	10	5	
22	GER 6020	Ngôn ngữ học văn bản <i>German Textlinguistics</i>	3	30	10	5	
23	GER 6012	Văn học Đức đương đại <i>Modern German Literature</i>	3	30	10	5	
24	GER 6013	Văn học Đức và truyền thông <i>German Literature and Communication Media</i>	3	30	10	5	
25	GER 6009	Đức học <i>German Studies</i>	3	30	10	5	
26	GLE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội <i>Emotional Intelligence and Social Communication</i>	3	45	0	0	
27	GLE6003	Thiết kế cuộc đời <i>Design your life</i>	3	45	0	0	
28	PSF6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp <i>Teacher ethics and professional development</i>	3	45	0	0	
29	GLE6001	Giáo dục cách tân <i>Innovative education</i>	3	45	0	0	
II+III.3	GER 7001	<i>Luận văn thạc sĩ</i>	15				
		Tổng cộng	61				

Ghi chú:

- 1) Khi điều chỉnh, mục II (Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành) và mục III (Nghiên cứu khoa học) được gộp vào trong cấu trúc Chương trình đào tạo để phù hợp với đặc thù CTĐT của phía đối tác trong Chương trình liên kết quốc tế với Đại học Leipzig (CHLB Đức).
- 2) Việc lựa chọn các học phần tự chọn sẽ được thực hiện hàng năm theo sự định hướng của đơn vị đào tạo dựa trên tình hình thực tế.
- 3) Tổng số giờ tín chỉ (số giờ tín chỉ lên lớp / số giờ tín chỉ thực hành / số giờ tín chỉ tự học).

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ĐỨC

MÃ SỐ: 8220205

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- *Tên chuyên ngành đào tạo:*

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Đức

+ Tiếng Anh: German Linguistics

- *Mã số ngành/chuyên ngành đào tạo:* 8220205

- *Tên ngành đào tạo:*

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Đức

+ Tiếng Anh: German Linguistics

- *Ngôn ngữ đào tạo:* Tiếng Đức

- *Trình độ đào tạo:* Thạc sĩ

- *Thời gian đào tạo:* 2 năm

- *Tên văn bằng sau tốt nghiệp:*

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Đức

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in German Linguistics

- *Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:* Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Đức định hướng ứng dụng đặt trọng tâm đào tạo vào việc tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý

luận nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Đức và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Đức và các nước nói tiếng Đức để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn có liên quan đến Ngôn ngữ học Đức trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học-kỹ thuật, kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng của đất nước; có các năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng bổ trợ (kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước và quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Đức và các khoa học có liên quan, mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Đức để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể có liên quan đến Ngôn ngữ học Đức như cán bộ đối ngoại, cán bộ quản lý, phụ trách, cán bộ giảng dạy, biên dịch viên, phiên dịch viên, chuyên viên tư vấn, phóng viên, biên tập viên, ..., trong các cơ quan ban ngành, trong các ngành khoa học, trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, các nhà xuất bản ngôn ngữ, văn hóa, chính trị, trong ngành báo chí truyền thông, các công ty tổ chức sự kiện, các nhà sản xuất phim ảnh, các cơ sở đào tạo tiếng Đức và Quốc tế học, ...

- Về kỹ năng

Chương trình đào tạo các kỹ năng cơ bản trong việc ứng dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu về ngôn ngữ học Đức trong các công việc cụ thể như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề, kỹ năng xử lý thông tin có liên quan đến vị trí công việc đang đảm nhận, kỹ năng biên, phiên dịch, kỹ năng biên tập trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, kỹ năng thiết kế hệ thống nghiên cứu, kỹ năng thu thập

và xử lý thông tin thông qua việc sử dụng các thiết bị và nguồn cung cấp thông tin phù hợp, kỹ năng lập thư mục và danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu lưu trữ, và các nguồn cung cấp thông tin khác, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế.

- Về nghiên cứu

Học viên tốt nghiệp biết vận dụng kiến thức về các đường hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu phù hợp để bước đầu độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc nghiệp vụ của bản thân như biên dịch, phiên dịch, biên tập, tư vấn, quản lý, giảng dạy, tổ chức; có năng lực nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ Đức-Việt, nghiên cứu sự phát triển tiếng Đức, nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Đức để ứng dụng trong biên/phiên dịch và các ứng dụng khác tại Việt Nam.

- Về phẩm chất chính trị:

Chương trình cũng góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẠC 7)
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ĐỨC (ỨNG DỤNG)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
CDR 1	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc	x	x		x	x	x				x	x	x	x
CDR 2	Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	x	x		x	x					x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
CDR 3	Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Đức, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
CDR 4	Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên việc nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
CDR 5	Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
1.3	Kiến thức của ngành / chuyên ngành													
CDR 6	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Đức, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.	x	x		x			x	x		x	x	x	
CDR 7	Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đồng đạo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
CDR 8	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x			x		x	x	x	

2	Chuẩn đầu ra về kĩ năng													
2.1	Kỹ năng chuyên môn													
CĐR 9	Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phân biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x		x	x					x	x	x	x
CĐR 10	Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.	x	x		x	x		x			x	x	x	x
CĐR 11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Đức tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	X	x	x		x			x	x	x	x
CĐR 12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.									x	x	x	x	x
CĐR 13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
2.2	Kỹ năng khác													
CĐR 14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x					x	x	x	x
CĐR 15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
CĐR 16	Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CĐR 17	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Đức và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Đức để đạt hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x	x			x		x	x	x	x
CĐR 18	Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phân biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CĐR 19	Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x

4	Về phẩm chất đạo đức														
CĐR 20	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.	x	x	X	x	x	x		x		x	x	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định của ĐHQGHN và thi tuyển hàng năm.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Đức

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Đức

3.2. Chuyên ngành đào tạo

- Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Đức, ngành Ngữ văn Đức hoặc Sư phạm tiếng Đức.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.
- *Về kinh nghiệm công tác:* Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

- Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO1 0	PO1 1	PO1 2	PO1 3	PO1 4	PO1 5	PO1 6	PO1 7	PO1 8	PO1 9	P O 20
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x		x	x
GER 6002	Phương pháp nghiên cứu (tiếng Đức) <i>Research Methods (German)</i>							4	4	4	5	5		4	5	6	x	x	x	x	x
GER 6008	Ngữ dụng học tiếng Đức <i>German Pragmatics</i>					4	4	4	4			4		4			x	x	x	x	x
GER 6021	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Đức) <i>General Linguistics (German)</i>					4		4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	x
GER 6016	Kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản khoa học (Tiếng Đức) <i>Academic Writing and Presentation</i>					4			4			5		4	4	4	x	x	x	x	x

GER 6018	Tiếng Đức học thuật nâng cao <i>Advanced German for Academic Purposes</i>					4			4			5		4		4	x	x	x	x	x
GER 6015	Lý luận dạy học hiện đại (<i>tiếng Đức</i>) <i>Modern Teaching Methodology</i>							4	4	5		5		4			x	x	x	x	x
GER 6019	Xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu dạy học (Tiếng Đức) <i>German Language Teaching Curriculum and Material Development</i>								4	4	5		5		4		x	x	x	x	x

GER 6023	Giang dạy ngoại ngữ định hướng hành động (tiếng Đức) <i>Action-oriented foreign language Teaching (German)</i>							4	4	5		5		4			x	x	x	x	x
GER 6014	Lý luận về dịch thuật (Đức - Việt) <i>Translation Theories (German - Vietnamese)</i>			3	4			4	4	4	4	4		4		4	x	x	x	x	x
ENG 6001 RUS 6001 FRE 6001 CHI 6001	Ngoại ngữ học thuật (<i>Foreign Language for Academic Purposes</i>) Tiếng Anh (<i>English for Academic Purposes</i>) Tiếng Nga (<i>Russian for Academic Purposes</i>) Tiếng Pháp (<i>French for Academic Purposes</i>)							4	4	4			4	4		4	x	x		x	x

	Tiếng Trung (<i>Chinese for Academic Purposes</i>)																				
PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp																				
GLE 6001	Giáo dục cách tân																				
GER 6007	Ngữ nghĩa học tiếng Đức <i>Germany Semantics</i>					4	4	4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	x
GER 6003	Ngôn ngữ học đối chiếu (Tiếng Đức) <i>Contrastive Linguistics (German)</i>					4	4	4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	x
GER 6006	Ngữ pháp tiếng Đức <i>German Grammar</i>					4	4	4	4			5	4	4	4	5	x	x	x	x	x

GER 6004	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Đức) <i>Sociolinguistics (German)</i>					4	4	4	4			5	4	4	4	5	x	x	x	x	x
GER 6005	Ngữ âm tiếng Đức ứng dụng <i>German Applied Phonetics</i>					4	4	4	4			5		4	5		x	x	x	x	x
GER 6010	Thành ngữ học tiếng Đức <i>German Idiomatics</i>					4	4	4	4								x	x	x	x	x
GER 6020	Ngôn ngữ học văn bản <i>German Textlinguistics</i>					4	4	4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	x
GER 6012	Văn học Đức đương đại <i>Modern German Literature</i>			4				4				5		4		4	x	x	x	x	x

GER 6013	Văn học Đức và truyền thông <i>German Literature and Communication Media</i>			4				4	4			5		4		4	x	x	x	x	x
GER 6011	Giao tiếp liên văn hóa (tiếng Đức) <i>Intercultural Communication (German)</i>	3		3				4	4	4	4	4		4		4	x	x	x	x	x
GER 6009	Đức học <i>German Studies</i>			4				4	4			5		4	5		x	x	x	x	x
GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3						4	4	4	4	4		4		4	x				
GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your Life</i>)							4	4			5		4	5		x				
P.GL	Ứng dụng Ngôn	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x

6001	ngữ học trong thực tiễn (Kiến tập)																				
P.GL 6002	Ứng dụng Ngôn ngữ học trong thực tiễn (Thực tập)	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x	X
	Đồ án tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x	X
		Kiến thức						Kỹ năng						Tự chủ							

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1 Kiến thức chung

- CDR 1 (PO1). Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- CDR 2 (PO2). Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

- CDR 3 (PO3). Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Đức, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.
- CDR 4 (PO4). Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.
- CDR 5 (PO5). Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp; Ngoài ra, học viên có thêm kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Đức.

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

- CDR 6 (PO6). Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

- CDR 7 (PO7). Truyền đạt và tiếp thu kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..
- CDR 8 (PO8). Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với đồ án tốt nghiệp

Đồ án tốt nghiệp thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể trong chuyên ngành Ngôn ngữ Đức.

Đề tài đồ án là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ Đức, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Đức hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ Đức của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện đồ án theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của đồ án phải chứng tỏ được tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài như thế nào. Kết quả nghiên cứu trong đồ án phải là kết quả học tập và nghiên cứu của chính học viên thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Đồ án tốt nghiệp có khối lượng khoảng 40 trang A4, được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn (Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng, nghiên cứu, đánh giá phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo...)

- CDR 9 (PO9). Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- CDR 10 (PO10). Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.
- CDR 11 (PO11). Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Đức tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- CDR 12 (PO12). Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.
- CDR 13 (PO13). Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

2.2. Kỹ năng khác

- CDR 14 (PO14). Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.
- CDR 15 (PO15). Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CDR 16 (PO16). Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.
- CDR 17 (PO17). Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Ngôn ngữ Đức và xử lý mọi công việc

phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Đức với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

- CDR 18 (PO18). Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Đức, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

- CDR. 19 (PO19). Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

4. Về phẩm chất đạo đức

- CDR 20 (PO20). Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Học viên có thể đảm nhiệm vị trí của một trưởng hoặc phó trưởng bộ môn, trưởng hoặc phó trưởng phòng, nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực khoa học giáo dục ngoại ngữ, nghiên cứu ngôn ngữ và quốc tế học.

Nhóm 2: Học viên có thể đảm nhiệm vị trí trưởng hoặc phó trưởng phòng, chuyên viên, biên tập viên và cán bộ trong lĩnh vực quản lý nhà nước ở các cấp, các cơ quan truyền thông và các cơ quan ngoại giao của Việt Nam và nước ngoài.

Nhóm 3: Học viên có thể đảm nhiệm vị trí trưởng và phó trưởng phòng, biên dịch viên, phiên dịch viên của các doanh nghiệp và dự án của Việt Nam liên kết với các đối tác nước ngoài cũng như các dự án của nước ngoài tại Việt Nam, vị trí hướng dẫn viên du lịch.

Yêu cầu cụ thể liên quan đến kết quả thực hiện công việc:

Nhóm 1: Học viên có năng lực tổng hợp lí luận, khả năng tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp; có thể đảm nhận công tác giảng dạy các môn thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Đức như Ngữ pháp, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng

học, v.v.; có khả năng nâng cao kỹ năng giảng dạy các học phần có tính liên ngành như: Ngôn ngữ học đại cương, Ngôn ngữ học đối chiếu, Ngôn ngữ học xã hội, Giao tiếp liên văn hóa, v.v.; có khả năng quản lý các hoạt động nghiên cứu và giáo dục; triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ Đức nói riêng.

Nhóm 2: Có khả năng tổng hợp các cơ sở khoa học, có kỹ năng tham gia công tác quản trị các cấp của nhà nước đối với các hoạt động khoa học công nghệ liên quan đến ngành Ngôn ngữ Đức, đổi mới và sáng tạo, tham gia đóng góp vào các quá trình đề xuất xây dựng các chiến lược thúc đẩy, phát triển quan hệ hợp tác Việt- Đức trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là nghiên cứu và giáo dục; hoàn thành tốt hơn các nhiệm vụ của chuyên viên, biên tập viên, thành viên tư vấn chính sách ngoại ngữ và ngoại giao của các bộ, ban, ngành của Việt Nam cũng như các đại sứ quán, lãnh sự quán và các cơ quan ngoại giao khác của nước ngoài.

Nhóm 3: Có khả năng ứng dụng các kiến thức và năng lực tiếng Đức vào quản trị và điều hành công tác đổi mới và sáng tạo tại các liên doanh, các doanh nghiệp du lịch cũng như các dự án, tăng cường và phát triển quan hệ với các doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là từ các nước nói tiếng Đức, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên có khả năng tự học để nâng cao trình độ về những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến ngành Ngôn ngữ Đức.

Học viên ngành Ngôn ngữ Đức có cơ hội học lên bậc cao hơn.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**, trong đó:

- | | |
|--|------------------------|
| - Khối kiến thức chung (bắt buộc): | 4 tín chỉ |
| - Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành: | 24 tín chỉ |
| + <i>Bắt buộc:</i> | <i>6 tín chỉ</i> |
| + <i>Tự chọn:</i> | <i>18 / 30 tín chỉ</i> |

- Khối kiến thức ngành/chuyên ngành:	18 tín chỉ	...
+ <i>Bắt buộc</i> :	9 tín chỉ	
+ <i>Tự chọn</i> :	9 / 30 tín chỉ	
- Thực tập:	6 tín chỉ	
- <i>Đồ án tốt nghiệp</i> :	9 tín chỉ	

2. Khung chương trình đào tạo

Stt	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh / Đức)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I.	Khối kiến thức chung		4				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức theo nhóm ngành/ chuyên ngành		24				
II.1	Các học phần bắt buộc:		6				
3	GER 6002	Phương pháp nghiên cứu (tiếng Đức) <i>Research Methods (German)</i>	3	30	10	5	
4	GER 6008	Ngữ dụng học tiếng Đức <i>German Pragmatics</i>	3	30	10	5	
II.2.	Các học phần tự chọn		18/30				
5	GER 6021	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Đức) <i>General Linguistics (German)</i>	3	30	10	5	
6	GER 6016	Kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản khoa học (tiếng Đức) <i>Academic Writing and Presentation (German)</i>	3	30	10	5	
7	GER 6018	Tiếng Đức học thuật nâng cao <i>Advanced German for Academic Purposes</i>	3	30	10	5	
8	GER 6015	Lý luận dạy học hiện đại (tiếng Đức) <i>Modern Teaching</i>	3	30	10	5	

		<i>Methodology (German)</i>					
9	GER 6019	Xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu dạy học tiếng Đức <i>German Language Teaching Curriculum and Material Development</i>	3	30	10	5	
10	GER 6023	Giảng dạy ngoại ngữ định hướng hành động (tiếng Đức) <i>Action-oriented foreign language Teaching (German)</i>	3	30	10	5	
11	GER 6014	Lý luận về dịch thuật (Đức - Việt) <i>Translation Theories (German - Vietnamese)</i>	3	30	10	5	
12		Ngoại ngữ học thuật <i>(Foreign Language for Academic Purposes)</i>	3	30	10	5	
	ENG 6001	Tiếng Anh <i>(English for Academic Purposes)</i>					ENG 5001
	RUS 6001	Tiếng Nga <i>(Russian for academic purposes)</i>					RUS 5001
	FRE 6001	Tiếng Pháp <i>(French for academic purposes)</i>					FRE 5001
	CHI 6001	Tiếng Trung <i>(Chinese for academic purposes)</i>					CHI 5001
13	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp <i>(Teacher ethics and professional development)</i>	3	30	10	5	
14	GLE 6001	Giáo dục cách tân (innovative education)	3	30	10	5	
III	Khối kiến thức ngành/chuyên ngành		18				
<i>III.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>9</i>	<i>30</i>	<i>10</i>	<i>5</i>	
15	GER 6007	Ngữ nghĩa học tiếng Đức <i>German Semantics</i>	3	30	10	5	
16	GER 6003	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Đức)	3	30	10	5	

		<i>Contrastive Linguistics (German)</i>					
17	GER 6011	Giao tiếp liên văn hóa (tiếng Đức) <i>Intercultural Communication (German)</i>	3	30	10	5	
III.2	Các học phần tự chọn		9/30				
18	GER 6006	Ngữ pháp tiếng Đức <i>German Grammar</i>	3	30	10	5	
19	GER 6004	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Đức) <i>Sociolinguistics (German)</i>	3	30	10	5	
20	GER 6005	Ngữ âm tiếng Đức ứng dụng <i>German Applied Phonetics</i>	3	30	10	5	
21	GER 6010	Thành ngữ học tiếng Đức <i>German Idiomatics</i>	3	30	10	5	
22	GER 6020	Ngôn ngữ học văn bản <i>German Textlinguistics</i>	3	30	10	5	
23	GER 6012	Văn học Đức đương đại <i>Modern German Literature</i>	3	30	10	5	
24	GER 6013	Văn học Đức và truyền thông <i>German Literature and Communication Media</i>	3	30	10	5	
25	GER 6009	Đức học <i>German Studies</i>	3	30	10	5	
26	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	30	10	5	
27	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your Life</i>)	3	30	10	5	
IV	Thực tập		6				
28	P.GL6001	(<i>Kiến tập</i>)	3				
29	P.GL6002	Ứng dụng Ngôn ngữ học trong thực tiễn (<i>Applied Linguistics in Practice</i>) (<i>Thực tập</i>)	3				
V	GER 7002	Đồ án tốt nghiệp (<i>MA Graduation</i>)	9				

		<i>Course/Project)</i>					
		Tổng cộng	61				

